

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG GIẢNG DẠY MÔN NGHE CHO SINH VIÊN NĂM THỨ HAI CHUYÊN NGỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

● **TỔNG THỊ HUỆ**

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này thực hiện nhằm xác định các nhân tố và đo lường mức độ tác động của chúng đến việc áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp gồm nghiên cứu định tính và định lượng, thực hiện phân tích mẫu 142 đối tượng khảo sát, dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát, xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS. Kết quả nghiên cứu cho thấy các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ gồm: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin; Nguồn lực về công nghệ thông tin của nhà trường; Thái độ và động lực của giảng viên; Chính sách và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường. Cuối cùng, nghiên cứu đề xuất các hàm ý nhằm nâng cao việc áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: công nghệ thông tin, giảng dạy môn nghe, ngoại ngữ.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ thông tin (CNTT) đã mang lại sự thay đổi mang tính cách mạng trong giảng dạy các phương pháp luận. Sự đổi mới không nằm ở việc giới thiệu và sử dụng CNTT mà ở vai trò là người đóng góp hướng tới hình thức dạy và học, lấy người học làm trung tâm (Scrimshaw, 2004). Trước thềm chuyển đổi số nhanh chóng, nền giáo dục Việt Nam cũng cần có những sự thay đổi để

hướng đến môi trường đào tạo và dạy học 4.0, mang lại nhiều hiệu quả trong công tác giảng dạy cho thế hệ tương lai của đất nước. Ứng dụng CNTT trong dạy học là sử dụng các thiết bị kết nối với internet và tích hợp thêm các phần mềm để giảng dạy. Mục đích nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng và các phương thức giải quyết vấn đề. Hiện nay, ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy học là một vấn đề được

quan tâm hàng đầu tại nhiều cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học trong quá trình thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo. Đối với việc giảng dạy ngoại ngữ nói chung và môn nghe nói riêng, việc ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng giảng dạy và đạt hiệu quả cao hơn nhiều so với phương pháp truyền thống. Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng CNTT trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ để nâng cao chất lượng giảng dạy tại Trường Đại học Công Thương là cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất

Al-Kamel (2018) chỉ ra lợi ích to lớn của việc ứng dụng các nền tảng công nghệ đó là người dạy có thể kèm cặp sâu sát hơn đến từng người học một cách hiệu quả. Nhờ sự trợ giúp của các công cụ CNTT và số lượng tài nguyên giáo dục ngày càng tăng thêm, người dạy ngôn ngữ có thể hướng dẫn một cách cá nhân hóa đến từng người học. Thêm vào đó, việc học tiếng Anh có sự hỗ trợ của các thiết bị thông minh, mạng Internet và các nền tảng công nghệ ngày càng trở nên phổ biến giúp cho việc dạy và học tiếng Anh ngày càng trở nên phong phú hơn.

Orhan và Sahin (2016) cho rằng, việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Anh giúp tăng cường kỹ năng hợp tác trong học tập, cũng như khẳng định vai trò trung tâm của người học, tăng cường tính tự giác học tập và nâng cao khả năng tự học của sinh viên. Theo Sharndama (2013), một trong những tiện ích của CNTT đem lại trong việc giảng dạy tiếng Anh chính là các sản phẩm đa phương tiện. Những sản phẩm này kết hợp chữ viết cùng hình ảnh, âm thanh, giúp thu hút sự chú ý của người học, tăng cường khả năng tiếp thu.

Việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ nói chung và môn nghe cho sinh viên nói riêng giúp bài giảng tăng thêm phần sinh động. Các âm thanh, hình ảnh, kênh chữ... sống động giúp học viên có hứng thú hơn và cảm thấy chân thật hơn. Phương pháp và hình thức dạy học cũng

được đổi mới khiến người học dễ nhìn, dễ nghe, dễ thấy và dễ dàng tiếp thu kiến thức hơn so với phương pháp dạy học truyền thống. Các kỹ năng giao tiếp được phát triển đồng đều, chất lượng nội dung bài giảng được tăng lên.

Các nhân tố ảnh hưởng đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy mô nghe:

Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Dawes, (2000) cho rằng, một rào cản quan trọng khác đối với việc tích hợp CNTT là năng lực hoặc kỹ năng CNTT và sự tự tin về CNTT. Yếu tố quyết định rất quan trọng đối với mức độ tham gia vào CNTT của giảng viên là mức độ tự tin của họ khi sử dụng CNTT. Những giảng viên ít hoặc không tin tưởng vào việc sử dụng máy tính trong công việc sẽ cố gắng tránh sử dụng chúng hoàn toàn. Đánh giá của Jones (2024) chứng tỏ có mối quan hệ chặt chẽ giữa năng lực sử dụng CNTT đối với việc tích hợp lĩnh vực này trong giảng dạy. Như vậy, năng lực sử dụng CNTT của giảng viên gồm khả năng sử dụng máy tính với các ứng dụng cơ bản; khả năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong xử lý công việc liên quan đến hoạt động dạy học như các phần mềm hỗ trợ dạy học, phần mềm tính toán, phần mềm thiết kế. Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất giả thuyết như sau:

Giả thuyết H1: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe.

Nguồn lực về công nghệ thông tin của nhà trường: Mumtaz (2000) chỉ ra việc thiếu máy tính và phần mềm có thể hạn chế nghiêm trọng những gì giảng viên có thể làm trong lớp học về việc tích hợp CNTT. Tiếp cận CNTT là bước đi đầu tiên và cần thiết trong quá trình hội nhập, mặc dù việc truy cập đơn thuần sẽ không tự động dẫn đến việc sử dụng CNTT cho việc dạy và học. Dựa theo Campbell (2006), khoảng cách số hóa trong giảng dạy có đề cập đến khoảng cách trong việc tiếp cận hoặc sử dụng của các thiết bị CNTT. Nguồn lực về CNTT của nhà trường thể hiện là cơ hội để giảng viên tiếp cận, sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin trong giảng dạy như máy tính,

Internet, máy chiếu, phần mềm... từ bản thân cá nhân giảng viên và giảng viên sử dụng nó phục vụ cho hoạt động dạy học của mình; từ những phân tích trên, tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H2: Nguồn lực về công nghệ thông tin của nhà trường có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe.

Thái độ và động lực của giảng viên: Zelezny and Schultz (2000) định nghĩa thái độ như là hành động thể hiện những gì người dùng thích và không thích. Thái độ đối với hành động có ảnh hưởng mạnh và tích cực đến ý định hành động. Thái độ của giảng viên là quan điểm, cách nhìn nhận, ứng xử của cá nhân giảng viên đối với việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Một nội dung quan trọng là thái độ của giảng viên đối với CNTT là sự hiểu biết của họ về việc nó sẽ mang lại lợi ích như thế nào cho công việc của họ và việc học tập của học sinh (Jones, 2004). Cox (2008) bày tỏ sự cần thiết phải đo lường, trong số các yếu tố khác, niềm tin và thái độ của giáo viên, hiểu biết về vai trò của CNTT trong môn học đang được giảng dạy. Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H3: Thái độ và động lực của giảng viên có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe.

Chính sách và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường: Nhà trường đầu tư cơ sở hạ tầng về CNTT như kết nối internet cáp quang và các thiết bị để ứng dụng CNTT và chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý, dạy và học như: triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử gồm sổ điểm điện tử, triển khai các ứng dụng để kết nối, tương tác, trao đổi thông tin giữa giảng viên và sinh viên trên nền tảng số, cài đặt áp dụng các phần mềm trong học tập nhất là các môn học ngoại ngữ, trang bị phòng Lab hiện đại. Triển khai các lớp học trực tuyến, lớp học thông minh. Tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng các ứng dụng hỗ trợ giảng dạy. Sự hỗ trợ từ nhà trường và đồng nghiệp là sự khích lệ, giúp đỡ

tích cực để giáo viên ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học. Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết H4: Chính sách và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe.

2.2. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp khám phá, nghiên cứu định tính, định lượng. Sử dụng các kỹ thuật phân tích: thống kê mô tả, phân tích khám phá EFA, mô hình hồi quy. Thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc được thiết kế dựa theo các nghiên cứu trước đó, được thiết kế đánh giá theo Likert 5.

Đối tượng khảo sát nghiên cứu là các giảng viên và Ban Giám hiệu tại Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Số bảng khảo sát phát ra là 150, thu về 148. Sau khi lọc, làm sạch còn 142 bảng khảo sát đưa vào phân tích chính thức, kích thước mẫu phù hợp với công thức quy mô mẫu của Tabachnick và Fidell (2007).

Tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ, gồm 4 nhân tố như sau:

$$ADCNTT = \beta_0 + \beta_1 NLSD + \beta_2 NLCN + \beta_3 TDDL + \beta_4 CSQT + \varepsilon$$

Trong đó:

- ADCNTT: Biến phụ thuộc (áp dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)

- Các biến độc lập:

+ NLSD: Năng lực sử dụng công nghệ thông tin

+ NLCN: Nguồn lực về công nghệ thông tin của nhà trường

+ TDDL: Thái độ và động lực của giảng viên

+ CSQT: Chính sách và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường

+ ε : Hệ số nhiễu.

+ β : Hệ số hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như sau (Bảng 1)

viên năm 2 chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Về kết quả nghiên cứu này đã chỉ ra được 5 nhân tố có ảnh hưởng với mức độ tác động theo thứ tự từ cao đến thấp như sau: nhân tố Thái độ và động lực của

Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	,742 ^a	,653	,621	1,906

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số R² = 0,653 > 0,5, do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số R² hiệu chỉnh là 0,621, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 62,1%.

Kết quả hồi quy trong Bảng 2.

giảng viên ảnh hưởng mạnh nhất với Beta = 0,306; nhân tố năng lực sử dụng CNTT ảnh hưởng mạnh thứ hai với hệ số Beta = 0,254; nhân tố Chính sách và sự quan tâm của lãnh đạo nhà trường ảnh hưởng mạnh thứ ba với hệ số Beta = 0,237; Cuối cùng là nhân tố Năng lực sử dụng CNTT ảnh hưởng thấp nhất với hệ số Beta = 0,187.

Bảng 2. Kết quả hồi quy

Mô Hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
1	(Constant)	1,487	,198	7,496	,000		
	NLSD	,086	,020	,254	,000	,906	1,103
	NLCN	,064	,019	,187	,001	,957	1,045
	TDDL	,154	,032	,306	,000	,767	1,304
	CSQT	,159	,048	,237	,001	,604	1,656

Căn cứ vào Bảng 2, phương trình hồi quy tuyến tính bội của các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng CNTT trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm 2 chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh với các hệ số chuẩn hóa như sau:

$$ADCNTT = 0,254NLSD + 0,187NLCN + 0,306TDDL + 0,237CSQT$$

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu này là xác định và đo lường mức ảnh hưởng của các nhân tố đến việc áp dụng CNTT trong giảng dạy môn nghe cho sinh

4.2. Kiến nghị

Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng, việc áp dụng CNTT trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm 2 chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố nêu trên. Do đó, nhà trường có thể tập trung vào các nhân tố này, thực hiện các chiến lược hành động nhằm cải thiện, tác động đến các nhân tố nêu trên, để từ đó nâng cao việc áp dụng CNTT trong giảng dạy môn nghe cho sinh viên năm 2 chuyên ngữ Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Một số giải pháp như sau:

Đối với giảng viên dạy ngoại ngữ: nguyên nhân của sự hạn chế về năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học là do các giảng viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng về sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong dạy học. Chính vì vậy, đối với bản thân mỗi giảng viên cần phải tích cực học hỏi, trao đổi kinh nghiệm về ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học. Chủ động, tích cực trang bị kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng cho dạy học như phần mềm hỗ trợ soạn bài giảng điện tử, soạn đề thi trắc nghiệm, soạn giáo trình..., đồng thời, cần phải tự trau dồi và cập nhật không ngừng những kiến thức mới về CNTT. Tích cực tham gia các khóa đào tạo, hội thảo, tọa đàm về kiến thức và kỹ năng CNTT nhất là các khóa về sử dụng các phần mềm trong giảng dạy ngoại ngữ.

Đối với nhà trường: Trường Đại học Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là một cơ sở đào tạo có cơ sở vật chất, tài nguyên về CNTT tốt, đáp ứng được phần lớn nhu cầu cho hoạt động dạy và học trong nhà trường. Tuy nhiên, nhân tố sự hỗ trợ

từ Nhà trường cần phải tiếp tục được tăng cường, như cần có chính sách khuyến khích, động viên một cách tích cực hơn nữa đối với giáo viên trong ứng dụng CNTT vào hoạt động giảng dạy, tổ chức tập huấn, đào tạo, hội thảo, tọa đàm chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm... về sử dụng phần mềm chuyên dụng trong dạy học, kỹ năng xử lý các sự cố về máy tính, cài đặt chương trình... cho giáo viên; bố trí cán bộ, chuyên viên, giáo viên chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác hỗ trợ giáo viên ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học; cung cấp phần mềm bản quyền hỗ trợ soạn bài giảng, soạn đề thi trắc nghiệm, các phần mềm chuyên môn... Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng tổ chức các phong trào thi đua khen thưởng về soạn bài giảng điện tử để đổi mới cách dạy và học, làm phong phú nguồn học liệu điện tử, xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về CNTT cho cán bộ quản lý và giáo viên trong quản lý giáo dục và giảng dạy; hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến để thực hiện E-Learning trong hoạt động dạy học ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Al-Kamel, M. A. (2018). Basal cell carcinoma developed on an active lesion of mucocutaneous leishmaniasis: A case report from Yemen. *Archives of Clinical Dermatology (ACD)*.
2. Campbell, E. (2006). Ethical knowledge in teaching: A moral imperative of professionalism. *Education Canada-Toronto*, 46(4), 32.
3. Cox, M. J. (2008). Researching IT in education. *International handbook of information technology in primary and secondary education*, 965-981.
4. Dawes, L. (2000). What stops teachers using new technology?. In *Issues in teaching using ICT* (61-79). Routledge.
5. Jones, E., Watson, B., Gardner, J., & Gallois, C. (2004). Organizational communication: Challenges for the new century. *Journal of Communication*, 54(4), 722-750.
6. Mumtaz, S. (2000). Factors affecting teachers' use of information and communications technology: A review of the literature. *Journal of information technology for teacher education*, 9(3), 319-342.
7. ORHAN, G., & OAHYIN, Y. (2016). ICT applications in English teaching: A literature review. *The Eurasia Proceedings of Educational and Social Sciences*, 4, 579-581.
8. Sharndama, E. C., & Ijemofwu, I. A. (2013). Application of ICTs in teaching and learning English (ELT) in large classes. *Journal of Arts and Humanities*, 2(6), 34-39.
9. Schultz, P. W., Zelezny, L., & Dalrymple, N. J. (2000). A multinational perspective on the relation between Judeo-Christian religious beliefs and attitudes of environmental concern. *Environment and Behavior*, 32(4), 576-591.

10. Scrimshaw, P. (2004). Computers and the teachers role. In Using IT Effectively in Teaching and Learning, 109-122. Routledge.
11. Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). Experimental designs using ANOVA (Vol. 724). Belmont, CA: Thomson/Brooks/Cole.

Ngày nhận bài: 11/8/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/8/2023

Ngày chấp nhận và đăng bài: 11/9/2023

Thông tin tác giả:

ThS. TÔNG THỊ HUỆ

Khoa Ngoại ngữ

Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

**THE APPLICATION OF INFORMATION TECHNOLOGY
IN TEACHING LISTENING SKILLS TO SECOND-YEAR
STUDENTS WITH LANGUAGE MAJORS
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF INDUSTRY AND TRADE**

● Master. **TONG THI HUE**

Faculty of Foreign Languages,
Ho Chi Minh City University of Industry and Trade

ABSTRACT:

This study identifies factors and measures their impacts on the application of information technology in teaching listening skills to second-year students with language majors at Ho Chi Minh City University of Industry and Trade. In this study, mixed research methods, including qualitative and quantitative research, were used to analyze a sample of 142 survey subjects. The study's data was collected through survey questionnaires, and then the data was processed using SPSS software. The study's results show that the factors affecting the application of information technology in teaching listening skills for second-year students with language majors are capacity to use information technology, information technology resources of the university, attitude and motivation of lecturers, and policies and concerns of school leaders. Based on the study's findings, some implications are proposed to improve the application of information technology in teaching listening skills to second-year students with language majors at Ho Chi Minh City University of Industry and Trade.

Keywords: information technology, teaching listening skills, foreign languages.